

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-ST.

Ngày: 28 - 9 - 2017

*V/v: Tranh chấp
thừa kế tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Xuân Thùy.

- Ông Nguyễn Hồng Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường** tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST- DS ngày 14/3/2017 về “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST – DS, ngày 20/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L; địa chỉ nơi thường trú: Xóm X, xã Y, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T cùng vợ là bà Mai Thị N; địa chỉ nơi thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn T, bà Nụ: Anh Phan Quốc H (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án)- Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị T; địa chỉ nơi thường trú: Số nhà M, phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T: Bà Phan Thị L (là nguyên đơn quan trong vụ án) - Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017

2. Bà Phan Thị S; địa chỉ nơi thường trú: Số nhà K, ngõ H, phố E, phường F, quận G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị S: Bà Phan Thị L (là nguyên đơn quan trọng vụ án) - Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2017;

3 Anh Phan Quốc H; địa chỉ nơi thường trú: Số U, ngõ V, đường P, phường O, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Chị Phan Thị H; địa chỉ nơi thường trú: Nhà B13, tập thể Vacvina (Tổ 5- cơ yếu), phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Phan Quốc H (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trọng vụ án) - Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017.

5. Anh Phan Đức H; địa chỉ nơi thường trú: Tổ dân phố 9, phường O, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Đức H: Anh Phan Quốc H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án) - Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017.

6. Anh Phan Đức T1; địa chỉ nơi thường trú: Số nhà 15/26, đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T2: Anh Phan Quốc H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án) - Theo Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2017.

7. Anh Phan Đức T2; địa chỉ: Số nhà 7B/173, đường T, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1: Anh Phan Quốc H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án)- Theo Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017.

Tại phiên tòa có mặt: Bà Phan Thị L, anh Phan Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2017, Bản tự khai cùng các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Phan Đức Trạch, chết ngày 10/3/2006 và Phạm Thị Rần, chết ngày 19/10/1977 có 9 người con là: ông Phan Đức Toàn, đã chết ngày 09/01/1997; ông Phan Văn Thắng, chết ngày 20/9/1992; bà Phan Thị T; bà Phan Thị S; ông Phan Văn T; bà Phan Thị Nữ, đã chết năm 1986, khi chưa có chồng con); ông Phan Văn Thành, ông Phan Văn Công, đều chết khi còn nhỏ, trước khi bà ra đời. Ông Phan Văn Thắng có hai con là Phan Đức T1 và Phan Đức T2; Ông Phan Đức Toàn có ba con là Phan Quốc H, Phan Thị H và Phan Đức H.

Bố mẹ bà để lại thừa đất diện tích đất 527m² (đo đạc thực tế là 505m²) tại xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định cùng 01 ngôi nhà trên đất. Bố bà không có di chúc, nhưng trước khi chết vào năm 2006, bố bà đã có ý nguyện bằng văn

bản tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Phan Quốc H (cháu đích tôn) được hưởng 277m² giáp đất của ông Phan Văn T và cho bà được hưởng 250m² đất giáp đất của ông Phan Văn Cửu, tài sản trên đất của ai thì người đó được hưởng. Tuy nhiên sau đó cũng không thực hiện được việc phân chia này. Nay bà cũng không yêu cầu xem xét về việc tặng cho này.

Về tài sản trên đất: Ngôi nhà ba gian mái ngói khi bà sinh ra đã có, năm 1991 bố bà sửa lại nhà (xây cao hơn) và làm hiên mái bằng. Ngoài ra còn 01 gian nhà mái bằng xây cùng thời điểm tiếp nối với nhà cấp bốn. Bố bà chết đầu năm thì cuối năm bà đi lấy chồng và cư trú cùng với chồng ở Xóm 6, xã Y. Bà giữ khóa gian buồng nhà cấp 4 và đi về thường xuyên. Nhưng cách đây khoảng 4 năm thì anh H cũng như ông Phan Văn T đã chiếm giữ toàn bộ nhà đất, bà không giữ khóa nhà nữa. Do nhà bị đột nát nên anh Phan Quốc H có phá phần mái nhà đi sửa lại vào tháng 9 năm 2016, khi đó bà không nhất trí.

Nay bà đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ bà làm 6 suất cho 6 người con là bà Phan Thị T, bà Phan Thị S, ông Phan Văn T, con ông Toàn, con ông Thắng và bà theo pháp luật. Bà Phan Thị S và bà Phan Thị T đã nhường quyền thừa kế cho bà, bà đề nghị được nhận bằng hiện vật là phần đất phía trước nhà giáp mặt đường. Đối với ngôi nhà không còn giá trị, thì bà không có ý kiến gì. Ngoài ra bà và bố bà trước đây được cấp chung diện tích đất hai lúa và chuyên mạ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích chung là 868m²; các đồng thừa kế khác đã nhất trí nhường phần quyền thừa kế đất ruộng do cụ Trạch để lại (868m²/2) cho bà nên bà đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận này.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn ông Phan Văn T và vợ là bà Mai Thị N cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Quốc H, chị Phan Thị H, anh Phan Đức H, anh Phan Đức T1, anh Phan Đức T2 do anh Phan Quốc H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh thống nhất với bà L về các thành viên trong quan hệ gia đình, huyết thống với cụ Trạch, cụ Rần cũng như việc cụ Trạch và cụ Rần có để lại thừa đất đã nêu. Về ngôi nhà trên đất: Trước đây hai cụ Trạch có làm 01 ngôi nhà cấp 4. Năm 1988, bố mẹ anh là ông Toàn, bà Nhiệm cùng cụ Trạch đã xây 01 nhà mái bằng tiếp nối với nhà cấp 4 này, hai phần nhà sử dụng chung tường; năm 1991, thì tiếp tục sửa lại nhà ngói ba gian. Khi còn sống cụ Trạch có nói là toàn bộ nhà và đất để lại cho anh làm nơi thờ cúng, hương hỏa vì anh là cháu đích tôn. Kể từ năm 2006, khi bà L đi lấy chồng thì anh là người quản lý nhà, do không thường xuyên ở nhà nên nhờ ông Phan Văn T ở liên kế trông coi nhà và hương khói cho tổ tiên. Đến tháng 9 năm 2016, do nhà bị đột nát nhiều nên anh đã thay toàn bộ nhà mái ngói bằng mái bằng, mắc lại hệ thống điện nước và lát nền toàn bộ hai phần nhà như hiện nay. Ông Phan Văn T và bà Nụ chỉ là người giúp anh sửa chữa nhà. Khi sửa nhà anh có tháo dỡ đôi xà lim bán được 7 triệu đồng, số tiền anh đã bỏ ra để sửa nhà là 70 triệu đồng, bàn thờ tổ tiên đặt ở nhà mái ngói (nay là mái bằng). Nay bà L yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản, anh cũng như

những người do anh đại diện có ý kiến sau: Đối với phần tài sản của cụ Rằn để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản đã nêu vì đã hết thời hiệu chia thừa kế nên anh đề nghị Tòa án áp dụng pháp luật để cho anh là người đang quản lý đất được hưởng; Đối với phần đất của cụ Trạch nếu phải chia thừa kế thì anh nhất trí nhưng anh nhận thanh toán giá trị kỷ phần mà bà L, bà Phan Thị S và bà Phan Thị T được hưởng theo quy định pháp luật để anh nhận toàn bộ diện tích đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên; các đồng thừa kế là chị H, anh Phan Đức H, anh T2, anh T1 và ông Phan Văn T nhất trí nhường quyền thừa kế tài sản của cụ Trạch cho anh; Đối với phần đất ruộng thì anh cũng như các đồng thừa kế khác đã ủy quyền cho anh nhất trí như bà L đề nghị.

** Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:*

- Diện tích đất tranh chấp là 505m². Trong đó: Đất ở là 230m²; đất ao, vườn là 275m². Đất tranh chấp có giá: đất ở 1.700.000đ/m²; đất vườn, ao 300.000đ/m².

- Ngôi nhà cấp 4 và gian nhà mái bằng (khi chưa sửa chữa) của cụ Trạch để làm từ khoảng năm 1990, không còn giá trị sử dụng. Phần sửa chữa năm 2006 gồm: thay mái ngói bằng mái bằng, lát nền, xây trát tường, quét vôi; tổng cộng là 38.400.000 đồng.

Ủy ban nhân dân xã B cùng cơ sở xóm 7 xã B cung cấp:

Cụ Phan Đức Trạch (chết ngày 10/3/2006) và cụ Phạm Thị Rằn (chết ngày 19/10/1977) có các con, cháu đúng như các đương sự trình bày.

Theo bản đồ địa chính xã B lập năm 1995 thì thửa đất của cụ Trạch và cụ Rằn để lại là thửa số 255, tờ bản đồ số 11 mang tên chủ sử dụng Phan Văn Trạch diện tích là 527m², trong đó đất ở 230 m², vườn 146 m², ao 152 m².

Đối với tài sản trên thửa đất: Có 1 ngôi nhà 4 gian, một gian mái bằng, 3 gian lợp ngói nam. Việc sửa chữa cải tạo ngôi nhà vào năm 2016 là có thật, nhưng địa phương không rõ ai là người đứng ra sửa chữa, không có đơn trình báo chính quyền về việc sửa chữa này và cũng không thấy có tranh chấp.

Ngoài thửa đất trên, hộ cụ Trạch có 2 khẩu là cụ Trạch và bà L còn một số thửa đất ruộng, bao gồm có 4 thửa đất ruộng trong đó có 3 thửa đất hai lúa và 1 đất chuyên mạ, cụ thể: thửa số 228/6 diện tích 468m², thửa số 210/4 diện tích 180m², thửa số 40/8 diện tích là 144m² và thửa số 243/2 diện tích 76m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cùng giấy với thửa 255 vào năm 1998. Các thửa đất ruộng này sẽ có sự thay đổi khi dồn điền đổi thửa. Hiện nay cả 4 thửa ruộng này bà L đang sử dụng.

Cuối năm 2006, bà L đi lấy chồng ở xã Y thì ông Phan Văn T, người đã được cụ Trạch cắt cho phần đất liền kề thửa đất đang tranh chấp cùng anh H đứng ra trông coi, quản lý nhà, đất và thờ cúng tổ tiên.

Về thuế và các khoản phí dịch vụ liên quan đến thửa đất tranh chấp: Theo chính sách pháp luật của Nhà nước thì từ năm 2012 mới thu thuế đất phi nông nghiệp, song năm 2016 đến nay đất tranh chấp không phải nộp thuế đất phi nông nghiệp. Trong khoảng thời gian phải nộp thuế thì ông Phan Văn T là người nộp thuế vì ông Phan Văn T ở cạnh đất và là người trực tiếp quản lý nhà đất của cụ Trạch.

Về việc chênh lệch diện tích đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 255 có diện tích là 527m². Theo kết quả đo đạc thực địa ngày 06/7/2017 thì thửa đất có diện tích là 505m²; như vậy thiếu 22 m². Có sự chênh lệch số liệu này là do các bên xác định mốc giới khi đo đạc đến làm việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của đương sự, xác định phần di sản của cụ Rần đã hết thời hiệu khởi kiện, anh Phan Quốc H và bà Phan Thị L được coi là người quản lý di sản, bà L được hưởng $\frac{1}{4}$, anh Hương được hưởng $\frac{3}{4}$ di sản của cụ Rần.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các điều 612, 623, 650, 651, 652, 660 và 688 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc chia thừa kế; chia cho bà Phan Thị L hưởng $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất của cụ Trạch và $\frac{1}{4}$ di sản của cụ Rần. Giao cho anh Phan Quốc H tiếp tục quản lý sử dụng $\frac{3}{4}$ phần di sản của cụ Rần và $\frac{1}{2}$ di sản của cụ Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là quan hệ về thừa kế tài sản.

[2] Về việc xác định di sản thừa kế: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá, lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì di sản thừa kế của cụ Phan Đức Trạch và Phạm Thị Rần có: 505m² đất trong đó có 230m² đất ở (trị giá 391.000.000 đồng) và 275m² đất vườn ao (trị giá 82.500.000 đồng), tổng trị giá 473.500.000 đồng, vị trí tại thửa số 255, tờ bản đồ số 11 xã B lập năm 1995; 01 nhà cấp 4 gắn liền với 01 gian mái bằng nhưng không còn giá trị; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Đức Trạch số M 541707 ngày 19/2/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường. Ngoài ra, di sản của cụ Trạch còn có phần đất ruộng được cấp chung với bà Phan Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Trạch, các đương sự đều nhất trí không xác định giá trị và bà L là người được quyền sử dụng.

[3] Về thời hiệu và yêu cầu hưởng di sản theo thời hiệu hưởng quyền dân

sự:

[3.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm người để lại di sản chết). Cụ Phan Đức Trạch chết ngày 10/3/2006, nên thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn. Cụ Phạm Thị Rần chết ngày 19/10/1977, thời điểm hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đã hết từ tháng 10/2007.

[3.2] Anh Phan Quốc H yêu cầu được áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự do là người đang quản lý toàn bộ tài sản thừa kế từ khi cụ Phan Đức Trạch qua đời, qua đó được thừa hưởng phần di sản của cụ Phạm Thị Rần để lại trong tài sản chung với cụ Trạch, Hội đồng xét xử thấy như sau: Việc anh H (ông Phan Văn T xác định là người đứng ra trông coi giúp anh H) quản lý toàn bộ thừa đất từ sau khi cụ Trạch chết và bà Phan Thị L đi lấy chồng là thực tế khách quan được chính quyền xã B và cơ sở xóm 7 xã B xác nhận. Cuối năm 2006, bà L đã kết hôn và cư trú với chồng là ông Đỗ Xuân Thiêm ở xóm 3, xã Y và không ở trên đất từ đó, do đó bà L không phải là người quản lý thừa đất do bố mẹ bà để lại. Ngoài ra, bà L cũng trình bày bà đã nộp thuế sử dụng thừa đất nhưng theo cung cấp của cơ sở xã B thì phía ông Phan Văn T mới là người nộp nghĩa vụ và thực tế thì nghĩa vụ chỉ phải nộp từ khoảng năm 2012 đến năm 2015. Như vậy, có đủ cơ sở áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định phần di sản của cụ Phạm Thị Rần, không để lại di chúc, hết thời hiệu chia thừa kế thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản là anh Phan Quốc H. Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường xác định bà L được hưởng $\frac{1}{4}$ di sản của cụ Rần, anh H được hưởng $\frac{3}{4}$ di sản của cụ Rần không được chấp nhận.

[3.3] Anh H được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của cụ Rần, cụ Trạch để lại như đã nêu, có giá trị là 236.750.000 đồng. Tuy nhiên, xét sau khi người để lại di sản chết thì bà L vẫn còn ở trên đất một thời gian, phần nào có công sức trong việc gìn giữ, bảo quản di sản nên trích cho bà L một phần di sản của cụ Rần là phù hợp.

[4] Về việc phân chia di sản:

[4.1] Di sản của cụ Trạch là $\frac{1}{2}$ tài sản chung của cụ Trạch và cụ Rần để lại, có giá trị là 236.750.000 đồng. Cụ Trạch không có di chúc nên được chia theo pháp luật cho những người được hưởng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do ông Phan Đức Toàn và ông Phan Văn Thắng đã chết trước thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Trạch nên các con của ông Toàn là anh Phan Quốc H, chị Phan Thị H, anh Phan Đức H; anh Phan Đức T2 và Phan Đức T1 được hưởng thừa kế thế vị của ông Thắng theo Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015. Những người đã chết gồm bà Nữ, ông Thành, ông Công không có thừa kế thế vị. Như vậy có 6 kỹ phần thừa kế gồm: 04 kỹ phần của 4 người con của cụ Trạch hiện còn sống là bà Phan Thị L, ông Phan Văn T, bà Phan Thị T và bà Phan Thị

S; 02 kỷ phần được thừa kế thế vị là các con của ông Phan Đức Toàn, Phan Văn Thắng.

[4.2] Ông Phan Văn T, anh T2, anh T1, chị H, anh Phan Đức H đều nhường quyền thừa kế cho anh H; bà Phan Thị S, bà Phan Thị T nhường quyền thừa kế cho bà L; không có yêu cầu thanh toán công sức, chi phí quản lý di sản. Vì vậy, bà L và anh H mỗi người được hưởng 3/6 di sản của cụ Phan Đức Trạch.

[4.3] Nguyên vọng của bà Phan Thị L được hưởng phần di sản là hiện vật trong khi thực tế có đủ điều kiện để cắt chia đất nên được chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét ngôi nhà đang được anh H sử dụng làm nơi thờ cúng chung theo tập quán có vị trí ở giữa thửa đất, không thể cắt chia đất qua ngôi nhà. Vì vậy, cắt chia cho bà L phần đất ở trước nhà, phía giáp đất từ đường như nguyên vọng của bà L là phù hợp.

[4.4] Trên đất được chia có một số tài sản không tính giá trị hoặc không còn giá trị, các đương sự thống nhất nếu ai được giao đất thì người đó được sở hữu tài sản trên phần đất được giao. Do đó, không cần điều chỉnh về giá trị đối với tài sản trên đất.

[5] Đối với diện tích đất ruộng là di sản của cụ Phan Đức Trạch được cấp chung với bà Phan Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 541707 ngày 19/2/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường: Các đương sự thống nhất bà Phan Thị L được quyền sử dụng, không tính giá trị; Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo giá trị phần tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 612, Điều 616, Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652, khoản 2 Điều 660, Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về việc chia thừa kế tài sản;

Xác định di sản của cụ Phạm Thị Rần và cụ Phan Đức Trạch có: Diện tích đất 505m², trong đó có 230m² đất ở (trị giá 391.000.000 đồng) và 275m² đất vườn, ao (trị giá 82.500.000 đồng), tổng trị giá 473.500.000 đồng; 01 nhà cấp 4 gắn liền với 01 gian mái bằng, không còn giá trị; vị trí thuộc xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; thể hiện tại thửa số 255, tờ bản đồ số 11 xã B lập năm 1998; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 541707 ngày 19/2/1998.

Xác định người hưởng thừa kế của cụ Phan Đức Trạch và cụ Phạm Thị Rằn gồm: Ông Phan Văn T; bà Phan Thị T; bà Phan Thị S; bà Phan Thị L; chị Phan Thị H, anh Phan Quốc H và anh Phan Đức H hưởng thừa kế thế vị của ông Phan Đức Toàn; anh Phan Đức T1 và Phan Đức T2 hưởng thừa kế thế vị của ông Phan Văn Thắng.

Xác định phần di sản của cụ Phạm Thị Rằn theo giá trị bằng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị di sản chung của cụ Rằn và cụ Trạch là 236.750.000 đồng, đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Anh Phan Quốc H được hưởng phần di sản này theo thời hiệu hưởng quyền dân sự.

Xác định phần di sản của cụ Phan Đức Trạch theo giá trị bằng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị di sản chung của cụ Rằn và cụ Trạch là 236.750.000 đồng, được chia thừa kế theo pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S và bà Phan Thị T nhường quyền hưởng di sản cho bà Phan Thị L; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T, chị Phan Thị H, anh Phan Quốc Hoàn, anh Phan Đức T1 và anh Phan Đức T2 nhường quyền hưởng di sản cho anh Phan Quốc H.

Bà Phan Thị L được hưởng 3/6 di sản của cụ Phan Đức Trạch, giá trị là 118.375.000 đồng; anh Phan Quốc H được hưởng 3/6 di sản của cụ Phan Đức Trạch, có giá trị là 118.375.000 đồng.

Chia di sản theo hiện vật:

Giao cho bà Phan Thị L quyền sử dụng 97m² đất tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 xã B lập năm 1995; trong đó có 36m² đất ở và 61m² đất ao; tổng giá trị 79.500.000 đồng, có tứ cận: Cạnh phía Bắc giáp đất chia cho anh H dài 5.6m; cạnh phía Đông giáp đất của ông Cưu (Kiu) dài 5.1m, giáp đất Từ đường họ Phan gồm các đoạn dài 1.5m và 17.18m; cạnh phía Nam giáp đường giao thông dài 4.1m; cạnh phía Tây giáp đất chia cho anh H dài 21.9m.

Giao cho anh Phan Quốc H được quyền sử dụng 408m² đất tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 11 xã B lập năm 1995; trong đó có 194m² đất ở và 214m² đất ao, vườn; tổng giá trị 394.000.000 đồng, có tứ cận: Cạnh phía Bắc giáp ruộng nước dài 13.54m; cạnh phía Đông giáp đất ông Cưu (Kiu) dài 23.56m, giáp đất chia cho bà L gồm các đoạn dài 5.6m và 21.9m; cạnh phía Nam giáp đường giao thông có độ dài 4.15m; cạnh phía Tây giáp đất của hộ ông Phan Văn T dài 46.22m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự được quyền sở hữu tài sản trên đất được giao.

Anh Phan Quốc H có trách nhiệm giao 97m² đất và thanh toán cho bà Phan Thị L: Số tiền 39.458.000 đồng công sức bảo quản di sản của cụ Phạm Thị Rằn và số tiền 38.875.000 đồng chênh lệch phần di sản được hưởng của cụ Phan Đức Trạch; tổng cộng là 78.333.000 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Bà Phan Thị L được quyền sử dụng tất cả các thửa ruộng (sau khi dồn điền, đổi thửa) trong đó có phần di sản của cụ Phan Đức Trạch được cấp chung với bà L (mỗi người $\frac{1}{2}$) thể hiện theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 541707 ngày 19/2/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị L phải nộp 7.891.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.630.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 09281 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; Bà Phan Thị L còn phải nộp 5.261.000 đồng.

Anh Phan Quốc H phải nộp 15.783.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên